

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

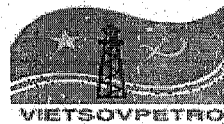
KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/03/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P5+P11+TD2	7:25	16+0+0	0+0+0		5+5+7	0+0+0	chuyen 3 p11-td2
2		P8+P2+VSP01+VSP02	7:25	6+12+0+0	0+0+0+0		4+16+0+1	0+0+0+0	chuyen 1 vsp01-02
3		P7+P4+P1	9:25	9+5+6	0+0+0		0+5+6	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: P5 - P11 - TD2	CREW: LINH - CHIẾN - DTÙNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/1247	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHAN THANH GIANG	P5	96	1	11			60	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN HỮU QUYNH	P5				2	24	64	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN BA ĐÔNG	P5	900,19	2	13			62	XAYLAP	Vietnamese
4	HOÀNG BA NAM	P5	92-93	2	17			61	XAYLAP	Vietnamese
5	HÀ VĂN TRĂNG	P5	26-27	2	15			63	XAYLAP	Vietnamese
6	HOÀNG ĐÌNH LUẬN	P5				2	22	51	XAYLAP	Vietnamese
7	MAI HUY HỒNG	P5	24-25	2	16			83	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG HÙNG	P5	99	1	15			61	XAYLAP	Vietnamese
9	TRỊNH VĂN TÚ	P5				2	23	67	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ XUÂN TIỀN	P5	97-98	2	16			59	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	P5	94-95	2	19			77	XAYLAP	Vietnamese
12	HÀ VĂN SAU	P5	32,66	2	15			61	XAYLAP	Vietnamese
13	CÙ CHÍ CÔNG	P5				2	25	67	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐẶNG XUÂN THĂNG	P5				2	25	67	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ XUÂN TÍNH	P5	100	1	6			69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P5	15	972	17	143	10	119	5		
2	P11	0	0	0	0	0	0	5	3	CHUYEN 3 PAX P11 SANG TD2
3	TD2	0	0	0	0	2	30	7		
TOTAL		15	972	17	143	12	149	17		
WEIGHT KG			972		143		149			

GRAND TOAL: 1.264 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

NGÔ VĂN LINH

ĐỖ VĂN CHIẾN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P8 - P2 - VSP01 - VSP02	CREW: VIỆT - MTHAO - THỤ	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/1243	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN THÀNH ĐỨC	P8	39-40	2	14	3	45	93	YTE	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC XUÂN	P8	41-42	2	10			58	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH CÔNG	P8	36	1	5			72	PSV	Vietnamese
4	HÀ VĂN THIỆN	P8	37-38	2	11			72	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH TÙNG	P8	35	1	6			77	PSV	Vietnamese
6	ĐỖ ĐẠI DƯƠNG	P8	34	1	3			58	PSV	Vietnamese
7	NGÔ HUNG HAI	P2	17-18	2	18			73	ANTOAN	Vietnamese
8	PHI NGỌC CẢNH	P2	27	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN ĐAM	P2	23-24	2	14	1	9	68	DVL	Vietnamese
10	BUI HUY BĂNG	P2	19-20	2	20			69	DVL	Vietnamese
11	PHAN TRƯỜNG GIANG	P2	21-22	2	11			79	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG HIỆU	P2	31	1	2			63	PSV	Vietnamese
13	BUI LONG HUNG	P2	26	1	5			68	PSV	Vietnamese
14	BUI HỮU TRÍ	P2	28	1	4			54	PSV	Vietnamese
15	HOANG VĂN CÔNG	P2	29	1	3			56	PSV	Vietnamese
16	HOANG QUỐC LONG	P2	30	1	5			60	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P2	16	1	9			75	PSV	Vietnamese
18	TRẦN MẬU SƠN	P2	15	1	4			76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P8	6	430	9	49	3	45	4		
2	P2	12	813	16	101	1	9	16		
3	VSP01	0	0	0	0	0	0	0		CHUYEN 1 PAX VSP01-VSP02
4	VSP02	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		18	1.243	25	150	4	54	21		
WEIGHT KG			1.243		150		54			

GRAND TOAL: 1.447 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

MAI VĂN THAO

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/03/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú	
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng		
1		BK3+P2	7:25	5+17	0+0			3+15	0+0	chuyen 1 bk3-p2
2		PVD8+P11+P10	7:25	3+4+13	0+0+0			3+6+13	0+0+0	
3		P9+BK10	7:25	15+7	0+0			14+8	0+0	
4		PVD8+SAVR	9:25	20+2	0+0			16+4	0+0	
5		P10+TTC2+TTC1	9:25	22+0+0	0+0+0			20+0+1	0+0+0	chuyen 2 ttc2-ttc1
6		BK4+P9	11:45	10+12	0+0			7+13	0+0	
7		P11+BK3	11:45	19+3	0+0			18+4	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
 1/ Đi về trong ngày BK3-3ng, P11-3ng, P9-1ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: BK3 - P2	CREW: LINH - TTRUNG - VŨ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/1271	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	HOANG VAN THAI	BK3	19	1	6	1	18	63	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUANG THANG	BK3						77	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TIEN THANG	BK3				3	60	63	NIPI	Vietnamese
4	NGUYEN THI HANG	BK3						62	NIPI	Vietnamese
5	LE TAN	BK3	21-22	2	16			75	KH-THAC	Vietnamese
6	LE QUANG HUY	P2	15-16	2	15			73	KHI	Vietnamese
7	DOAN THANH DAT	P2	14	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG DUC LINH	P2	20	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN DUC HOANG HAI	P2	04	1	10			89	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN DO	P2						65	KH-THAC	Vietnamese
11	VU ANH NGOC	P2	22-23	2	12			74	KH-THAC	Vietnamese
12	LE NGOC LUONG	P2	03	1	6	1	15	74	KH-THAC	Vietnamese
13	HA VAN TRUNG	P2	27	1	11			72	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG VAN SUU	P2	32	1	7			78	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM ANH DUC	P2	25-26	2	9			63	KH-THAC	Vietnamese
16	DANG TRONG THAO	P2	24	1	9			72	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG VAN SON	P2	21	1	11			62	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN HUU BAO	P2	28-29	2	15			96	KH-THAC	Vietnamese
19	PHUNG ANH TUAN	P2						71	KH-THAC	Vietnamese
20	LY TAT DAT	P2	40	1	5			81	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN THE NGUYEN	P2	35-36	2	19			76	XAYLAP	Vietnamese
22	VU XUAN CHIEU	P2	33	1	13	1	12	57	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK3	5	340	3	22	4	78	3 + 1	CHUYEN 1 PAX BK3-P2	
2	P2	17	1.227	20	152	2	27	15		
TOTAL		22	1.567	23	174	6	105	18		
WEIGHT KG			1.567		174		105			

GRAND TOAL: 1.846 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

LAI HONG DIEP

CREW

NGO VAN LINH
 NGUYEN THANH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: PVD8 - P11 - P10	CREW: XHOÀN - N.ANH - DTÙNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 2		VNHS FLIGHT: TM26/1274	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	MAKSIMOV D	PVD8	47	1	16	1	20	115	KH-THAC	Russian
2	PHẠM THANH TÙNG	PVD8	43	1	9	2	13	72	KH-THAC	Vietnamese
3	DUƠNG VĂN MẠNH	PVD8	42	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI ANH SON	P11	80	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
5	CHU MINH HÙNG	P11	81	1	2			85	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN VĂN THỊNH	P11						73	NIPI	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH HOÀ	P11						93	NIPI	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P10	16	1	6			69	KHAITHAC	Vietnamese
9	ĐỖ HỮU NAM	P10	20	1	14			68	KHAITHAC	Vietnamese
10	NGUYỄN CÔNG THÀNH	P10	18	1	6			84	KHAITHAC	Vietnamese
11	LÊ ANH DŨNG	P10	23-24	2	10			74	KHAITHAC	Vietnamese
12	K LỘC	P10	19	1	10			66	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ NGUYỄN HỒNG THANH	P10	14	1	8			77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ANH KHOA	P10	17	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐOÀN VĂN THIÊM	P10	26-27	2	8			59	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	P10	15	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT TIẾN	P10	21-22	2	11			68	KH-THAC	Vietnamese
18	DŨ TRẦN HÙNG	P10	25	1	3			80	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN ĐỨC BA	P10	13	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ BAO TRUNG	P10	28	1	4			87	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	3	251	3	29	3	33	3		
2	P11	4	321	2	5	0	0	6		
3	P10	13	939	16	97	0	0	13		
TOTAL		20	1.511	21	131	3	33	22		
WEIGHT KG			1.511		131		33			

GRAND TOAL: 1.675 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: P9 - BK10	CREW: LHM - TDONG - DUNG	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 3		VNHS FLIGHT: TM26/1277	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	BABKIN ANDREI	P9	86	1	9			98	KH-THAC	Russian
2	NGO DUC MINH	P9	87	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN THANH HAI	P9	88	1	4			85	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DINH NGOC	P9	89	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
5	DOAN QUOC VIET	P9	93	1	8			97	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI NGOC THAN	P9				2	39	75	KH-THAC	Vietnamese
7	LE LANG TU	P9	85	1	7			63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VIET CUONG	P9	92	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM TUAN VIET	P9	95	1	3			89	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN HIEU	P9						70	YTE	Vietnamese
11	LE QUY TOAN	P9	96	1	7			69	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN DUY	P9	90-91	2	7			73	KH-THAC	Vietnamese
13	TA TIEN MANH	P9	82-84	3	20			65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO AN CHUNG	P9	94	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
15	LE MINH THUY	P9						74	KH-THAC	Vietnamese
16	LUU VAN DIEP	BK10	25	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
17	DO CONG TIEN	BK10	31-32	2	16			75	ANTOAN	Vietnamese
18	TRAN HUU DANH	BK10	27-29	3	20			92	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TRONG VU	BK10				4	59	84	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM HOANG GIANG	BK10	30	1	6			82	KH-THAC	Vietnamese
21	DANG TRONG OAI	BK10	26	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN THANH SON	BK10	33	1	3			67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	15	1.147	15	87	2	39	14		
2	BK10	7	536	9	57	4	59	8		
TOTAL		22	1.683	24	144	6	98	22		
WEIGHT KG			1.683		144		98			

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI HANG

CREW

LUU THANH HAI
NGUYEN THUC DONG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: PVD8 - SAVR	CREW: LINH - TTRUNG - VŨ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 4	VNHS FLIGHT: TM26/1272		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN KHAC SANG	PVD8	70	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN Y	PVD8	68	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐAO QUANG THIẾT	PVD8	57	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN BAC	PVD8	69	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀU HUY HOANG	PVD8	29,67	2	12			64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN NHAN	PVD8	73	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HUYNH VŨ	PVD8	51	1	10			64	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ THANH LAM	PVD8	48-49	2	7			68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TIEN ĐẠT	PVD8	71	1	2			75	KH-THAC	Vietnamese
10	FREDINAND LIGADU	PVD8	78-79	2	18			85	PVD BAKEI	Malaysian
11	LŨU ĐÌNH TRỌNG	PVD8	76	1	13	1	6	79	DVL	Vietnamese
12	NGUYEN ĐỨC HIỆP	PVD8	75	1	10	4	70	81	DVL	Vietnamese
13	TRẦN VĂN HIỆP	PVD8	72	1	14			78	DVL	Vietnamese
14	NGUYEN HỮU VIỆT	PVD8	74	1	15			62	DVL	Vietnamese
15	NGUYEN TRẦN ĐỨC KHÁNH	PVD8	55	1	5			65	GETRACO	Vietnamese
16	TRẦN KHÁNH DUY	PVD8	52	1	5			72	GETRACO	Vietnamese
17	NGUYEN HỒNG BAO	PVD8	56	1	6			57	GETRACO	Vietnamese
18	LOSEV ALEKSEI	SAVR	31	1	9			88	AMNGR	Russian
19	KOSHELIUK IGOR	SAVR	30	1	9			87	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	17	1.199	20	146	5	76	16		
2	SAVR	2	175	2	18	0	0	6		
TOTAL		19	1.374	22	164	5	76	22		
WEIGHT KG			1.374		164		76			

GRAND TOAL: 1.614 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG DIỆP

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGUYỄN THÀNH TRUNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO: P10 - TTC2 - TTC1	CREW: XHOAN - N.ANH - DTUNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/1275	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHAM NGOC THANH	P10	01	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN GIAP	P10	17	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
3	VU DINH CUONG	P10	08	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN CUONG	P10	16	1	6	3	45	68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VIET ANH	P10	02	1	2			67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TOAN	P10	18	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
7	LE CHI HIEU	P10	19	1	9			74	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM VAN THUYET	P10	11	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM QUOC CUONG	P10	20	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN QUANG HUY	P10	04-05	2	19			92	DVL	Vietnamese
11	TANG TIEN TOAN	P10	15	1	12			81	DVL	Vietnamese
12	NGUYEN VAN TIEP	P10	26-27	2	20			75	DVL	Vietnamese
13	NGUYEN NAM HAI	P10	12-13	2	15	1	21	82	DVL	Vietnamese
14	NGUYEN THIEU BINH	P10	24-25	2	16			57	DVL	Vietnamese
15	HO NGOC THANH	P10	07	1	5			56	PSV	Vietnamese
16	TRAN TUAN ANH	P10	03	1	6			75	PSV	Vietnamese
17	PHAM MINH TAM	P10	09	1	6			61	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN ANH QUANG	P10	06	1	5			63	PSV	Vietnamese
19	NGHIEM ANH VU	P10	10	1	5			70	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN ANH TUAN	P10	14	1	4			55	PSV	Vietnamese
21	VU THANH DAT	P10	21	1	13			72	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN PHAN PHI	P10	22-23	2	7			62	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	22	1.516	27	183	4	66	19		
2	TTC2	0	0	0	0	0	0	0	CHUYEN 2 PAX TTC2-TTC1	
3	TTC1	0	0	0	0	4	56	1		
TOTAL		22	1.516	27	183	8	122	20		
WEIGHT KG			1.516		183		122			

GRAND TOAL: 1.821 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN THI HANG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: BK4 - P9	CREW: DUONG - HTRUNG - TU	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/1273	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN VAN DANG	BK4	97-98	2	12	1	18	87	KH-THAC	Vietnamese
2	NGO DANG DUC	BK4						68	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI QUANG DUY	BK4	94	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN VAN TRUONG	BK4	95-96	2	13			64	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAN THANH NGA	BK4	92-93	2	20			87	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN TUAN DAT	BK4	88	1	10	1	20	89	XAYLAP	Vietnamese
7	VO HOANG TIEN	BK4	90	1	17			79	XAYLAP	Vietnamese
8	LE VAN TAN	BK4	600	1	12			64	XAYLAP	Vietnamese
9	BUI VAN TUYEN	BK4	91	1	9			57	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAM XUAN MANH	BK4	99	1	4			67	PSV	Vietnamese
11	HO SI BINH	P9	09	1	4	2	35	76	KH-THAC	Vietnamese
12	VU DINH THUAN	P9	07	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN CAO CHI	P9	70	1	9			56	KH-THAC	Vietnamese
14	NGHIEM ANH THANH	P9	67	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TIEN TUNG	P9	71	1	4			84	KH-THAC	Vietnamese
16	DAO VAN KHOA	P9	06	1	6			62	PSV	Vietnamese
17	BUI VAN QUAN	P9	73	1	10			65	PSV	Vietnamese
18	LE VAN VIET	P9	05	1	3			81	PSV	Vietnamese
19	HO TRONG TAN	P9	10-11	2	10			83	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN HOANG THUAN	P9	08	1	5			81	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN VAN SON	P9	12	1	8			55	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN THANH HAI	P9	72	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK4	10	737	12	101	2	38	7		
2	P9	12	843	13	74	2	35	13		
TOTAL		22	1.580	25	175	4	73	20		
WEIGHT KG			1.580		175		73			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYEN THUC HA

VU THI THU HUONG

BUI HOANG DUONG

NGUYEN DUC HANH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO: P11 - BK3	CREW: LTUẤN - QVIỆT - MQUÂN	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM26/1276	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐẶNG TIẾN TOÀN	P11	49	1	11	3	50	69	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG VĂN TRỌNG	P11	29	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN THIÊN THANH	P11	40	1	4			83	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VIỆT DŨNG	P11	25	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG VĂN ĐỨC	P11	32	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
6	HỒ NAM TRUNG	P11	42	1	10			88	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NHAN	P11	43	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU NGŨ	P11	30	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN BĂNG	P11	37	1	8			61	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN DŨNG	P11	33	1	16			57	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN HÙNG	P11	27	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
12	HA HAI QUANG	P11	35-36	2	14			71	KH-THAC	Vietnamese
13	NGÔ DUY KHIÊM	P11	44-45	2	10			68	YTE	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN LỘC	P11	39	1	11	1	15	62	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN KHAN	P11	28	1	8			77	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN HAI TRUNG	P11	31	1	4			66	PSV	Vietnamese
17	TẠ HỒNG GIANG	P11	34	1	4			62	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN LOAN	P11	26	1	5			45	PSV	Vietnamese
19	LÊ ĐỨC THUẬN	P11	41	1	5			51	PSV	Vietnamese
20	VU XUAN THUY	BK3	89	1	6	2	35	70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN LINH	BK3	91	1	3			70	PSV	Vietnamese
22	LÊ MINH HUY	BK3	90	1	4			75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	19	1.250	21	136	4	65	18		
2	BK3	3	215	3	13	2	35	4		
TOTAL		22	1.465	24	149	6	100	22		
WEIGHT KG			1.465		149		100			

GRAND TOAL: 1.714 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

LƯƠNG MẠNH TUẤN
 NGUYỄN QUANG VIỆT